TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 01 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phẹo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 06 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 433/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 405/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 300/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn K, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Số 634 Quốc lộ 22, tổ 3, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Y, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 46/2B đường 360, tổ 9, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 10/10/2018, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Ngô Văn K trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thu Y tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng kí kết hôn số 171/2017 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/12/2017. Sau khi kết

hôn ông bà chung sống tại gia đình nhà vợ ở xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau một khoảng thời gian chung sống với nhau, ông nhận thấy giữa ông và bà Y có nhiều sự khác biệt và cách sống và quan điểm sống do ông sống chung bên gia đình vợ, phía bên vợ thì bà Y là con gái duy nhất do đó bà Y rất được nuông chiều, ông nói gì bà Y cũng không nghe. Do ông về ở rể nên bà Y và gia đình bà Y không xem ông ra gì. Sau đó, ông đòi ra sống riêng thì gia đình bà Y không cho bà Y đi và đuổi ông đi, không cho bà Y chung sống với ông nữa. Ông đã bỏ gia đình bà Y ra sống riêng từ ngày 16/9/2018 cho đến nay. Sau đó, ông và bà Y đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà Y khuyên ông quay về ở lại bên gia đình nhà vợ nhưng ông không đồng ý. Nay ông nhận thấy không thể chung sống với bà Y, và thực tế đã ly thân và cắt đứt mọi liên lạc với nhau từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Y.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông K trình bày không có.

* Tại bản tự khai ngày 14/12/2018, bà Y trình bày:

Ngày 24/12/2017, bà có nhận lời kết hôn với ông Ngô Văn K. Sau khi kết hôn được 09 tháng thì bà nhận thấy ông K không có trách nhiệm với gia đình, bà bị bệnh thì ông K bỏ ra ngoài sống riêng và đẩy hết trách nhiệm chăm lo vợ cho cha mẹ vợ chăm sóc. Sau khi bà khỏi bệnh thì ông đã nộp đơn xin ly hôn. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Bà xin được ly hôn với ông K để bà được ổn định cuộc sống và đi làm.

- Về tài sản chung: Bà Y trình bày không có tài sản chung do ông, bà sống nhờ bên gia đình cha mẹ bà.

Bà Nguyễn Thị Thu Y đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Y vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 10/10/2018, ông Ngô Văn K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu Y hiện đang cư trú tại: Số 46/2B đường 360, tổ 9, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu Y đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Y vẫn không đến để tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu Y theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị Thu Y tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 171/2017 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/12/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của ông Ngô Văn K thì sau kết hôn giữa ông và bà Y đã có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống, đã không cảm nhận thấy hạnh phúc. Nguyên nhân do ông sống chung bên gia đình vợ, phía bên vợ thì bà Y là con gái duy nhất do đó bà Y rất được nuông chiều, ông nói gì bà Y cũng không nghe. Do ông về ở rể nên bà Y và gia đình bà Y không xem ông ra gì, ông đòi ra sống riêng thì gia đình bà Y không cho bà Y đi và đuổi ông đi, không cho bà Y chung sống với ông nữa. Ông đã bỏ gia đình bà Y ra sống riêng và đã ly thân từ ngày 16/9/2018 cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Y.

Tại bản tự khai ngày 14/12/2018 bà Y cũng có nguyện vọng mong muốn được ly hôn với ông Ngô Văn K, trong quá trình giải quyết vụ án bà Y đã được Tòa triệu tập nhưng bà không đến Tòa nữa chứng tỏ bà không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, không có giải pháp đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông K và bà Y đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho ông K được ly hôn với bà Y theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông K trình bày không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Ông K trình bày không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung. Còn bà Y trình bày giữa ông và bà không có tài sản chung.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông K trình bày không có.

Bà Nguyễn Thị Thu Y vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu bà Y có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc ông Ngô Văn K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn K:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Ngô Văn K được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu Y.

Kể từ ngày 06/01/2020, Giấy chứng nhận kết hôn số 171/2017 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/12/2017 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Ông Ngô Văn K trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Ngô Văn K trình bày không có.

Nếu bà Y có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Ngô Văn K phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông K đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0015919 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Các nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Phẹo